

Số: 63/2023/TT-BCA

Hà Nội, ngày 15 tháng 11 năm 2023

THÔNG TƯ**Quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách
đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân**

Căn cứ Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Công an nhân dân năm 2018 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Căn cứ Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 2 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự;

Căn cứ Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về chỉ tiêu, thời gian, đối tượng, tiêu chuẩn tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (gọi chung là tuyển quân); ngành nghề tuyển chọn công dân nữ; phân công trách nhiệm và phối hợp trong tuyển quân; thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân trong thời gian thực hiện lệnh gọi khám sức khỏe và huấn luyện, phân công công tác, chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong thời hạn phục vụ tại ngũ, xuất ngũ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân đăng ký thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân
2. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ.
3. Các đơn vị trực thuộc Bộ và Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Công an đơn vị, địa phương); các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan trong công tác tuyển chọn, gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân và tổ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

Chương II TUYỂN CHỌN CÔNG DÂN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 3. Đối tượng và tiêu chuẩn tuyển quân

Ngoài các quy định về đối tượng, tiêu chuẩn tuyển chọn theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (sau đây gọi chung là Nghị định số 70/2019/NĐ-CP), công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân phải bảo đảm về độ tuổi và tiêu chuẩn chính trị sau:

1. Độ tuổi:

- a) Công dân từ đủ 18 tuổi đến hết 25 tuổi;
- b) Đối với công dân được đào tạo trình độ cao đẳng, đại học đã được tạm hoãn gọi nhập ngũ theo quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015 thì tuyển chọn đến hết 27 tuổi.

2. Tiêu chuẩn chính trị:

Bản thân công dân và cha, mẹ đẻ; cha, mẹ vợ hoặc chồng; người trực tiếp nuôi dưỡng của công dân, của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng; anh chị em ruột của công dân đảm bảo tiêu chuẩn về chính trị để tuyển vào Công an nhân dân theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

Điều 4. Ngành nghề cần thiết tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

1. Công dân nữ đã tốt nghiệp đào tạo trình độ trung cấp trở lên ở các ngành, nghề chuyên môn quy định tại khoản 2 Điều này và bảo đảm các tiêu chuẩn quy định tại Điều 3 Thông tư này, nếu tự nguyện và Công an đơn vị, địa phương có nhu cầu thì được xem xét, tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

2. Ngành nghề cần thiết tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân:

- a) Y, dược;
- b) Sư phạm;
- c) Thể dục thể thao.

3. Căn cứ thực tế nhu cầu sử dụng của Công an các đơn vị, địa phương, Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ đề xuất Bộ trưởng Bộ Công an xem xét, bổ sung ngành nghề và trình độ đào tạo cần thiết khác để tuyển chọn công dân nữ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Điều 5. Đề xuất chỉ tiêu tuyển quân

1. Đối với Công an địa phương:

a) Sau khi kết thúc và rút kinh nghiệm công tác tuyển quân, Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là Công an cấp tỉnh) xây dựng kế hoạch và chỉ đạo Công an huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Công an cấp huyện), Công an xã, phường, thị trấn (gọi chung là Công an cấp xã) rà soát, nắm nguồn, tạo nguồn tuyển quân hàng năm;

b) Căn cứ kết quả rà soát, Công an cấp huyện phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp nắm chắc số công dân trong độ tuổi gọi nhập ngũ đã đăng ký nghĩa vụ quân sự và số công dân nữ có nguyện vọng, bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, dự kiến chỉ tiêu tuyển quân ở từng địa phương cấp xã và tổng hợp tình hình, báo cáo kết quả về Phòng Tổ chức cán bộ, Công an cấp tỉnh trước ngày 30 tháng 4 hàng năm;

c) Sau khi tổng hợp báo cáo của Công an cấp huyện, Công an cấp tỉnh chủ động phối hợp với các đơn vị: Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, Cục An ninh điều tra, Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục Cảnh sát quản lý trại giam, cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng (gọi chung là các đơn vị nhận quân thuộc Bộ) để thống nhất chỉ tiêu tuyển quân hằng năm cho các đơn vị nhận quân thuộc Bộ, xây dựng kế hoạch tuyển quân của địa phương mình và có văn bản đề xuất chỉ tiêu tuyển quân về Bộ (qua Cục Tổ chức cán bộ) trước ngày 15 tháng 6 hàng năm; nội dung đề xuất cần thể hiện rõ số lượng, đơn vị sử dụng, địa bàn tuyển (đối với tuyển quân cho đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc Bộ), ngành, nghề tuyển chọn (đối với công dân nữ).

2. Đối với các đơn vị nhận quân thuộc Bộ:

Căn cứ nhu cầu sử dụng chiến sĩ nghĩa vụ, chủ động phối hợp với Công an địa phương nắm nguồn tuyển và có văn bản trao đổi, thống nhất với Công an cấp tỉnh trước ngày 15 tháng 5 hàng năm về chỉ tiêu tuyển quân cho đơn vị mình trước khi đề xuất chỉ tiêu tuyển quân (số lượng và địa bàn tuyển) về Bộ (qua Cục Tổ chức cán bộ) trước ngày 15 tháng 6 hàng năm; nội dung đề xuất cần thể hiện rõ số lượng, đơn vị sử dụng, địa bàn tuyển (đối với tuyển quân cho đơn vị mình), ngành, nghề tuyển chọn (đối với công dân nữ).

3. Trên cơ sở báo cáo của Công an đơn vị, địa phương, Cục Tổ chức cán bộ tham mưu Bộ trưởng Bộ Công an trình Thủ tướng Chính phủ quyết định về số lượng gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân tại từng địa phương.

Điều 6. Phân bổ chỉ tiêu tuyển quân

1. Căn cứ quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định phân bổ chỉ tiêu tuyển quân đối với từng đơn vị thuộc Bộ Công an (theo quy định được sử dụng hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ) và Công an cấp tỉnh.

2. Căn cứ chỉ tiêu tuyển quân được Thủ tướng Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Công an giao, Công an cấp tỉnh trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định phân bổ chỉ tiêu tuyển quân cho từng địa bàn cấp huyện đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế.

3. Căn cứ chỉ tiêu tuyển quân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao, Công an cấp huyện tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (gọi chung là Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện) giao chỉ tiêu tuyển quân đến từng địa bàn cấp xã phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 7. Tổ chức tuyển quân

1. Công an cấp tỉnh:

a) Tham mưu với cấp ủy, Ủy ban nhân dân cùng cấp chỉ đạo thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện quy định của Luật Nghĩa vụ quân sự, Luật Công an nhân dân và các văn bản liên quan về nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trong nhân dân, nhất là công dân trong độ tuổi gọi nhập ngũ và phối hợp với cơ quan quân sự, Hội đồng nghĩa vụ quân sự cùng cấp, các ngành liên quan tổ chức thực hiện chỉ đạo đó;

b) Phối hợp với cơ quan quân sự tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp giao chỉ tiêu tuyển quân hàng năm phù hợp nguồn tuyển ở từng địa phương và chỉ đạo Hội đồng nghĩa vụ quân sự, các ngành liên quan phối hợp với cơ quan Công an cùng cấp trong công tác tuyển quân;

c) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra các đơn vị trực thuộc và Công an cấp huyện thực hiện việc tuyển quân đúng quy định, bảo đảm đủ chỉ tiêu và chất lượng giao quân;

d) Tổ chức khám phúc tra sức khỏe cho toàn bộ số công dân sau khi có Lệnh gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân và bù đổi trước ngày giao, nhận quân (nếu có) đảm bảo chỉ tiêu, tiêu chuẩn theo quy định. Trường hợp phải chờ kết quả xác minh về chính trị, đạo đức hoặc giám định về sức khỏe không đảm bảo kịp ngày giao, nhận quân thì kịp thời chủ động bù đổi trước ngày giao, nhận quân (nếu có);

Hội đồng khám phúc tra sức khỏe của Công an cấp tỉnh do Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định thành lập, có trách nhiệm kết luận khám phúc tra sức khỏe đối với toàn bộ số công dân có Lệnh gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân

dân; các đơn vị nhận quân thuộc Bộ phối hợp, cử thành phần tham gia Hội đồng khám phúc tra sức khỏe;

đ) Cấp phát quân trang cho chiến sĩ mới trước ngày tổ chức Lễ giao, nhận quân, bảo đảm thống nhất, phù hợp với từng lực lượng, điều kiện thời tiết, khí hậu, vùng miền (kể cả số công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân ở các đơn vị thuộc Bộ); chuyển quân về đơn vị huấn luyện bảo đảm an toàn tuyệt đối, không để lưu quân dài ngày tại địa phương;

e) Tiếp nhận hồ sơ do Công an cấp huyện bàn giao; quản lý hồ sơ công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân tại địa phương mình; bàn giao hồ sơ công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân tại các đơn vị nhận quân thuộc Bộ cho các đơn vị nhận quân thuộc Bộ;

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân cùng cấp có chính sách thăm hỏi, tặng quà, động viên đối với công dân trúng tuyển chấp hành lệnh gọi thực hiện nghĩa vụ; hỗ trợ kinh phí đi lại cho thân nhân (ở các xã thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số) đưa, tiễn công dân đến dự Lễ giao, nhận quân và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện;

h) Tổ chức rút kinh nghiệm, sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả công tác tuyển quân theo quy định.

2. Công an cấp huyện:

a) Thực hiện trách nhiệm tại điểm a, b, g, h Khoản 1 Điều này;

b) Tiếp nhận hồ sơ các trường hợp đạt yêu cầu sơ tuyển do Công an cấp xã báo cáo, chuyển giao; thực hiện trình tự tuyển quân theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 70/2019/NĐ-CP;

c) Thống nhất nhân sự dự kiến tuyển chọn với cơ quan quân sự cùng cấp trước khi ra Lệnh gọi khám sức khỏe. Trường hợp không thống nhất thì báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định. Cử đại diện phối hợp với Hội đồng khám sức khỏe lấy cỡ, số quân trang của công dân dự tuyển;

d) Hoàn thành thủ tục hồ sơ (gồm cả hồ sơ đảng viên, đoàn viên và các hồ sơ khác có liên quan) của công dân được gọi thực hiện nghĩa vụ và bàn giao đầy đủ cho Phòng Tổ chức cán bộ, Công an cấp tỉnh theo quy định.

3. Công an cấp xã:

a) Thực hiện trách nhiệm tại điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Thực hiện trình tự tuyển quân theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 70/2019/NĐ-CP;

c) Thông báo công khai đến từng thôn, làng, ấp, bản, buôn, bon, phum, sóc, tổ dân phố, khu dân cư để nhân dân biết về chỉ tiêu tuyển quân tại địa phương, điều kiện, tiêu chuẩn, thủ tục tuyển chọn, thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ của công dân đăng ký dự tuyển;

d) Phát huy hiệu quả công tác quản lý cư trú trên địa bàn, kết hợp ứng dụng hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để nắm hộ, nắm người, nắm địa bàn;

chủ động lựa chọn nguồn tuyển và thống nhất nhân sự cụ thể đối với cơ quan quân sự cùng cấp;

d) Phối hợp với ban, ngành, đoàn thể và gia đình nắm chắc tiêu chuẩn chính trị, đạo đức và những vấn đề mới phát sinh và quản lý công dân sau khi có lệnh gọi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân, kịp thời thông tin và cung cấp để Công an cấp huyện và đơn vị nhận quân biết, quản lý;

e) Phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp, các ban, ngành, đoàn thể động viên, thăm hỏi và giúp đỡ gia đình có công dân chuẩn bị nhập ngũ.

4. Trách nhiệm của các đơn vị nhận quân thuộc Bộ:

a) Khi có thông báo chỉ tiêu và địa bàn tuyển quân, các đơn vị nhận quân thuộc Bộ ban hành kế hoạch tuyển quân và phối hợp với Công an các địa phương triển khai thực hiện;

b) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản giao chỉ tiêu tuyển quân phải cử đại diện đến Công an cấp tỉnh để thống nhất về tiêu chuẩn tuyển chọn, thời gian nghiên cứu hồ sơ, tiếp xúc, lựa chọn người dự tuyển, thống nhất danh sách, phương thức giao, nhận quân và những vấn đề cần thiết khác có liên quan. Việc nghiên cứu hồ sơ, tiếp xúc, lựa chọn người dự tuyển và thống nhất danh sách với Công an cấp tỉnh phải kết thúc trước 10 ngày tính đến ngày Trường Công an cấp huyện ra Lệnh gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

c) Duy trì thông tin thường xuyên với Công an cấp tỉnh để nắm chắc thời gian và cử thành phần tham gia Hội đồng khám phúc tra sức khỏe của Công an cấp tỉnh; thống nhất với Công an cấp tỉnh về thành phần, thời gian và kết quả khám phúc tra sức khỏe đối với công dân do Công an cấp tỉnh tuyển cho đơn vị nhận quân thuộc Bộ bằng văn bản và thực hiện bù đổi trước thời điểm giao nhận quân (nếu có);

d) Phân công đơn vị trực thuộc chủ động phối hợp với các đơn vị chức năng thuộc Công an cấp tỉnh để cử cán bộ trực tiếp đến Công an cấp huyện, Công an cấp xã tham gia các khâu tuyển chọn từ cơ sở; hỗ trợ, phối hợp với Công an địa phương trong công tác thẩm tra, xác minh lý lịch công dân dự kiến tuyển chọn cho đơn vị mình theo đề nghị của Công an địa phương (nếu có).

Điều 8. Tổ chức giao, nhận quân

1. Công an cấp huyện phối hợp với cơ quan quân sự cùng cấp tham mưu Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lễ giao, nhận quân theo quy định.

2. Công an cấp tỉnh tiếp nhận công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân từ địa phương giao quân để bàn giao cho các đơn vị nhận quân, thời gian bàn giao chậm nhất là 03 ngày, kể từ ngày địa phương tổ chức Lễ giao, nhận quân.

3. Các đơn vị nhận quân thuộc Bộ tiếp nhận, chuyển quân về đơn vị huấn luyện bảo đảm an toàn tuyệt đối, không để lưu quân dài ngày tại địa phương.

4. Chế độ thông tin, báo cáo:

- a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận quân, đơn vị lập danh sách chiến sĩ mới và thân nhân đủ điều kiện tham gia bảo hiểm y tế, báo cáo theo quy định;
- b) Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày địa phương tổ chức lễ giao, nhận quân, Trưởng Công an cấp huyện có trách nhiệm báo cáo kết quả đợt tuyển quân về Phòng Tổ chức cán bộ, Công an cấp tỉnh;
- c) Chậm nhất 10 ngày, kể từ ngày tổ chức lễ giao, nhận quân, Công an địa phương và đơn vị nhận quân thuộc Bộ phải báo cáo kết quả đợt tuyển quân về Bộ (qua Cục Tổ chức cán bộ).

Điều 9. Huấn luyện và phân công công tác đối với chiến sĩ nghĩa vụ

1. Công an đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ huấn luyện chiến sĩ mới xây dựng kế hoạch và tổ chức khai giảng, bế giảng khóa (lớp) huấn luyện chiến sĩ mới theo quy định và phân công của Bộ trưởng Bộ Công an.

2. Sau khi hoàn thành khóa huấn luyện chiến sĩ mới, Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định phân công chiến sĩ nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị theo quy định. Các đơn vị nhận quân thuộc Bộ khi quyết định phân công công tác cho chiến sĩ nghĩa vụ thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị trực thuộc, đồng thời gửi danh sách phân công công tác chiến sĩ nghĩa vụ cho Công an các địa phương đã tuyển quân cho đơn vị mình để theo dõi, phối hợp khi có yêu cầu.

3. Trường hợp chiến sĩ nghĩa vụ chưa hoàn thành khoá huấn luyện chiến sĩ mới (không đủ điều kiện để được cấp chứng chỉ hoàn thành chương trình huấn luyện), Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương tiếp nhận, bố trí, phân công nhiệm vụ phù hợp cho chiến sĩ nghĩa vụ và đảm bảo quy định. Công an đơn vị, địa phương rà soát, phối hợp với đơn vị được giao nhiệm vụ huấn luyện chiến sĩ mới tổ chức huấn luyện bổ sung nội dung còn thiếu cho chiến sĩ nghĩa vụ chưa hoàn thành khóa huấn luyện (huấn luyện riêng hoặc huấn luyện cùng với khoá huấn luyện chiến sĩ mới năm kế tiếp) đảm bảo quy định.

Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị có liên quan trực thuộc Bộ Công an

1. Cục Pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan và các cơ quan truyền thông trong và ngoài Công an nhân dân tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Cục Tổ chức cán bộ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định về nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân của Công an các đơn vị, địa phương; thẩm định đề nghị của Công an các đơn vị, địa phương đề tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền duyệt và giao chỉ tiêu tuyển quân hàng năm đối với Công an các đơn vị, địa phương; tham mưu lãnh đạo Bộ ban hành kế hoạch dự lễ giao, nhận quân tại các đơn vị, địa phương.

3. Cục Công tác đảng, công tác chính trị chủ trì, phối hợp với Công an các đơn vị, địa phương xây dựng nội dung tuyên truyền công tác tuyển quân hàng năm; hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương các hình thức tuyên truyền; đề xuất khen

thường đối với những tập thể có thành tích xuất sắc, cách làm sáng tạo trong công tác tuyển quân.

4. Cục Truyền thông Công an nhân dân tổ chức tuyên truyền về công tác tuyển quân hàng năm (trước, trong và sau thời gian tuyển quân).

5. Cục Kế hoạch và tài chính chủ trì, hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí công tác tuyển quân, thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân trong thời gian thực hiện lệnh gọi khám sức khỏe của Trưởng Công an cấp huyện; chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra việc chi tiêu, thanh quyết toán kinh phí theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật trong lĩnh vực an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

6. Cục Trang bị và kho vận xây dựng kế hoạch bảo đảm quân trang phục vụ công tác tuyển quân, cấp phát quân trang cho số công dân được tuyển cho Công an địa phương và các đơn vị nhận quân thuộc Bộ đảm bảo đầy đủ, đúng thời hạn quy định và hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

7. Cục Y tế chủ trì tham mưu, đề xuất quy định về tiêu chuẩn sức khỏe, khám sức khỏe tuyển quân và phối hợp hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện; hướng dẫn công tác phòng chống dịch bệnh truyền nhiễm trong công tác tuyển quân, khám phúc tra sức khỏe, xét nghiệm sàng lọc, phát hiện HIV, ma túy và tiêm phòng vắc xin cho chiến sĩ mới.

Điều 11. Xuất ngũ, kỷ luật

1. Việc giải quyết xuất ngũ và xuất ngũ trước thời hạn đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ thực hiện theo Điều 10 Nghị định số 70/2019/NĐ-CP, như sau:

a) Đối với trường hợp không đủ sức khỏe để tiếp tục phục vụ tại ngũ:

Căn cứ đơn đề nghị của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, Tư lệnh, Cục trưởng và tương đương, Giám đốc Công an cấp tỉnh có văn bản đề nghị Hội đồng giám định y khoa cùng cấp hoặc Hội đồng giám định y khoa Bộ Công an khám và kết luận.

Căn cứ kết luận của Hội đồng giám định y khoa, Tư lệnh, Cục trưởng và tương đương, Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ theo thẩm quyền;

b) Đối với các trường hợp quy định tại các điểm b và c khoản 1, các điểm a, b và c khoản 2 Điều 41 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015:

Căn cứ đơn của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ (có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và Công an cấp huyện), Tư lệnh, Cục trưởng và tương đương, Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ theo thẩm quyền.

2. Sau khi hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ xuất ngũ, các đơn vị nhận quân thuộc Bộ có trách nhiệm cung cấp cho Công an cấp tỉnh (nơi tuyển chọn công

dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân) danh sách hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được xét chuyển sang chế độ chuyên nghiệp, trúng tuyển các trường Công an nhân dân, bị tước danh hiệu Công an nhân dân và danh sách hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân xuất ngũ trở về địa phương.

3. Việc xem xét, xử lý kỷ luật đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2022/TT-BCA ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc xử lý kỷ luật trong Công an nhân dân.

Chương III **CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH**

Điều 12. Chế độ, chính sách đối với công dân trong thời gian thực hiện khám sức khỏe theo lệnh gọi của Trưởng Công an cấp huyện

1. Chế độ, chính sách:

Trong thời gian thực hiện khám sức khỏe, công dân tham dự tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được hưởng các chế độ, chính sách quy định đối với công dân trong thời gian thực hiện khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 13/2016/NĐ-CP ngày 19 tháng 02 năm 2016 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục đăng ký và chế độ, chính sách của công dân trong thời gian đăng ký, khám, kiểm tra sức khỏe nghĩa vụ quân sự, cụ thể như sau:

a) Công dân đang làm việc tại cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước trong thời gian thực hiện khám sức khỏe theo lệnh gọi của Trưởng Công an cấp huyện được hưởng nguyên lương, phụ cấp hiện hưởng và tiền tàu xe đi, về theo chế độ quy định hiện hành của pháp luật;

b) Công dân không thuộc các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước trong thời gian thực hiện khám sức khỏe theo lệnh gọi của Trưởng Công an cấp huyện được đảm bảo các chế độ sau: Tiền ăn bằng mức tiền một ngày ăn cơ bản của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ. Thanh toán tiền tàu xe đi, về theo chế độ quy định hiện hành của pháp luật.

2. Nguyên tắc hưởng chế độ:

Thời gian đi, về và thực hiện khám sức khỏe từ 04 giờ trở lên trong ngày được tính cả ngày; dưới 04 giờ trở xuống tính 1/2 ngày.

3. Trách nhiệm chi trả:

a) Công dân đang làm việc tại cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước khi thực hiện khám sức khỏe theo lệnh gọi của Trưởng Công an cấp huyện do cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp nơi công dân đang làm việc chi trả;

b) Công dân không thuộc các cơ quan, tổ chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, doanh nghiệp Nhà nước khi thực hiện khám sức khỏe theo lệnh gọi của Trưởng Công an cấp huyện do Công an cấp huyện chi trả.

4. Nguồn ngân sách bảo đảm:

a) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trong thời gian thực hiện khám sức khỏe cho đối tượng quy định tại điểm a khoản 3 Điều này do ngân sách Nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách Nhà nước hiện hành;

b) Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách trong thời gian thực hiện khám sức khỏe cho đối tượng quy định tại điểm b khoản 3 Điều này do ngân sách Nhà nước bảo đảm và được bố trí trong dự toán chi thường xuyên hàng năm của Công an các đơn vị, địa phương.

Điều 13. Phong, thăng cấp bậc hàm

1. Phong cấp bậc hàm:

Công dân được tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân được phong cấp bậc hàm Binh nhì kể từ ngày giao nhận quân; trong trường hợp không giao, nhận quân tập trung thì được phong cấp bậc hàm kể từ ngày đơn vị Công an nhân dân tiếp nhận.

2. Thăng cấp bậc hàm:

a) Thăng cấp bậc hàm Binh nhất: Binh nhì đã giữ cấp bậc hàm đủ 06 tháng;

b) Thăng cấp bậc hàm Hạ sĩ: Binh nhất đã giữ cấp bậc hàm đủ 06 tháng;

c) Thăng cấp bậc hàm Trung sĩ: Hạ sĩ đã giữ cấp bậc hàm đủ 12 tháng;

d) Thăng cấp bậc hàm Thượng sĩ: Trung sĩ đã giữ cấp bậc hàm đủ 12 tháng hoặc trong thời gian phục vụ tại ngũ, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ lập thành tích đặc biệt xuất sắc trong bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ trở lên và đã giữ cấp bậc hàm Hạ sĩ đủ 12 tháng.

3. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trúng tuyển vào các học viện, trường Công an nhân dân thì thời gian học tập tại trường, kể cả thời gian gửi đào tạo tại các trường ngoài lực lượng Công an nhân dân (nếu có) được tính vào thời hạn xét thăng cấp bậc hàm. Trong thời gian học tập tiếp tục được hưởng chế độ phụ cấp cấp bậc hàm và các chế độ khác như đang trong thời gian tại ngũ (trừ phụ cấp công vụ, phụ cấp đặc thù, các chế độ quy định đối với địa bàn công tác và phụ cấp thêm quy định tại Điều 17 Thông tư này). Sau khi tốt nghiệp được xếp lương, thăng cấp bậc hàm theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an.

4. Điều kiện xét thăng cấp bậc hàm:

Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được thăng cấp bậc hàm khi có đủ các điều kiện sau:

a) Đảm bảo tiêu chuẩn về chính trị; hoàn thành nhiệm vụ được giao; không vi phạm kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên;

b) Đủ thời hạn xét thăng cấp bậc hàm cho mỗi cấp quy định tại khoản 2 Điều này;

c) Trong thời hạn giữ cấp bậc hàm có thời gian nghỉ ốm đau không quá 03 tháng (trừ trường hợp bị thương trong huấn luyện, chiến đấu), không bị đình chỉ công tác hoặc có đơn thư khiếu nại, tố cáo cần xác minh làm rõ.

5. Thẩm quyền phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ:

Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương căn cứ quy định của Bộ Công an về phân công trách nhiệm giữa Công an các cấp trong công tác tổ chức cán bộ của lực lượng Công an nhân dân và thời hạn xét thăng cấp bậc hàm quy định tại khoản 2 Điều này để quyết định phong, thăng, giáng, tước cấp bậc hàm đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

6. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ bị xử lý kỷ luật hoặc không hoàn thành nhiệm vụ hoặc có thời gian ốm đau trên 03 tháng (trừ trường hợp bị thương trong thời gian huấn luyện, chiến đấu) bị kéo dài thời hạn thăng cấp bậc hàm bằng thời hạn của mỗi cấp bậc hàm được thăng. Trường hợp bị kỷ luật bằng hình thức giáng cấp bậc hàm thì thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Công an về việc xử lý kỷ luật trong Công an nhân dân.

7. Phụ cấp cấp bậc hàm:

Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được phong, thăng cấp bậc hàm nào thì được hưởng mức phụ cấp cấp bậc hàm đó theo quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang, cụ thể:

- a) Cấp bậc hàm Thượng sĩ: hệ số phụ cấp 0,70;
- b) Cấp bậc hàm Trung sĩ: hệ số phụ cấp 0,60;
- c) Cấp bậc hàm Hạ sĩ: hệ số phụ cấp 0,50;
- d) Cấp bậc hàm Binh nhất: hệ số phụ cấp 0,45;
- đ) Cấp bậc hàm Binh nhì: hệ số phụ cấp 0,40.

Điều 14. Chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong thời hạn phục vụ tại ngũ và khi xuất ngũ

1. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong thời hạn phục vụ tại ngũ và khi xuất ngũ được hưởng các chế độ, chính sách quy định đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ trong lực lượng vũ trang nhân dân quy định tại: Điều 50 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 2015, Nghị định số 27/2016/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ quy định một số chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, binh sĩ phục vụ tại ngũ, xuất ngũ và thân nhân của hạ sĩ quan, binh sĩ tại ngũ (sau đây gọi tắt là Nghị định số 27/2016/NĐ-CP), khoản 2 Điều này và các Điều 15, 16, 17 và 18 Thông tư này.

2. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ xuất ngũ nếu có thời gian phục vụ tại ngũ trong Công an nhân dân từ đủ 12 tháng trở lên thì được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo nghề theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Trường hợp hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ bị kỷ luật bằng hình thức tước danh hiệu Công an nhân dân thì không được thực hiện các chế độ, chính sách như đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ khi xuất ngũ quy định tại khoản 2 Điều này và Điều 18 Thông tư này; trừ chế độ bảo hiểm xã hội.

Điều 15. Chế độ chính sách đối với trường hợp hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ đi học, trong quá trình học tập, các cơ sở đào tạo quyết định cho thôi học, trả về đơn vị thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trước đây (đơn vị sơ tuyển)

1. Trường hợp hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ đang trong quá trình thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trúng tuyển các cơ sở đào tạo trong Công an nhân dân hoặc các cơ sở đào tạo ngoài Công an nhân dân (do Bộ Công an cử đi đào tạo), quá trình học tập, các cơ sở đào tạo quyết định cho thôi học, trả về Công an đơn vị, địa phương nơi thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trước đây (đơn vị sơ tuyển). Sau khi tiếp nhận hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ, Công an đơn vị, địa phương thực hiện các thủ tục giải quyết chính sách cho hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ có quyết định cho thôi học của các cơ sở đào tạo như sau:

a) Trường hợp thời điểm hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được các cơ sở đào tạo cho thôi học, trả về Công an đơn vị, địa phương mà số hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ nhập ngũ cùng thời gian (cùng khóa) chưa hết hạn phục vụ tại ngũ thì tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đến hết thời hạn phục vụ tại ngũ; khi xuất ngũ được áp dụng chế độ chính sách như hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ không tham gia học tập tại các cơ sở đào tạo;

b) Trường hợp thời điểm hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được các cơ sở đào tạo cho thôi học, trả về Công an đơn vị, địa phương mà số hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ nhập ngũ cùng thời gian (cùng khóa) đã hết hạn phục vụ tại ngũ và đã xuất ngũ thì Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương quyết định cho hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ có quyết định thôi học xuất ngũ theo quy định; khi xuất ngũ được áp dụng chế độ, chính sách tương tự như hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ cùng khóa xuất ngũ.

2. Thời gian hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân tại đơn vị để thực hiện chế độ, chính sách được xác định kể từ ngày thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân đến ngày có quyết định trúng tuyển vào các cơ sở đào tạo trong và ngoài Công an nhân dân và thời gian hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân sau khi các cơ sở đào tạo cho thôi học, trả về Công an đơn vị, địa phương (nếu có) và không tính thời gian học tập tại các cơ sở đào tạo để thực hiện chế độ, chính sách (trừ chế độ bảo hiểm xã hội).

Điều 16. Thanh toán bằng tiền đối với những ngày không thể giải quyết cho nghỉ phép

Hạ sĩ quan, chiến sĩ tại ngũ đủ điều kiện được nghỉ phép hàng năm theo quy định nhưng do yêu cầu nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu hoặc ở những nơi điều kiện đi lại khó khăn không thể giải quyết cho nghỉ phép theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP thì được thanh toán chế độ nghỉ phép như sau:

1. Mức tiền thanh toán cho một ngày không nghỉ phép bằng mức tiền ăn cơ bản một ngày của hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ theo quy định tại thời điểm không nghỉ phép; số ngày được thanh toán cao nhất của mỗi hạ sĩ quan, chiến sĩ là 10 ngày. Không được thanh toán tiền tàu, xe, tiền phụ cấp đi đường và thời gian được tính là ngày đi đường.

2. Chỉ huy cấp trung đoàn và tương đương trở lên chịu trách nhiệm xem xét, quyết định đối với các trường hợp được thanh toán chế độ nghỉ phép tại đơn vị.

3. Không giải quyết chế độ thanh toán bằng tiền đối với các trường hợp được nghỉ phép đặc biệt theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 27/2016/NĐ-CP.

Điều 17. Chế độ phụ cấp thêm

1. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ phục vụ tại ngũ từ tháng thứ 25 trở đi, hằng tháng được hưởng thêm 250% phụ cấp cấp bậc hàm hiện hưởng.

2. Cách tính hưởng:

Phụ cấp từ tháng thứ 25 = Phụ cấp cấp bậc hàm hiện hưởng + Phụ cấp thêm

Trong đó:

Phụ cấp thêm = Phụ cấp cấp bậc hàm hiện hưởng x 250%

3. Chế độ phụ cấp thêm không áp dụng đối với các trường hợp hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ đang chờ chuyển sang chế độ chuyên nghiệp; chờ đi học, dự thi tuyển sinh và các trường hợp khác.

Điều 18. Chế độ trợ cấp xuất ngũ

1. Hạ sĩ quan, chiến sĩ khi xuất ngũ được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội một lần hoặc được cấp sổ, bảo lưu quá trình đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và trợ cấp xuất ngũ một lần. Chế độ trợ cấp xuất ngũ một lần như sau: Cứ mỗi năm (đủ 12 tháng) phục vụ trong Công an nhân dân được trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xuất ngũ.

Cách tính hưởng trợ cấp xuất ngũ:

$$\text{Trợ cấp xuất ngũ một lần} = \text{Số năm phục vụ tại ngũ} \times \begin{matrix} 02 \text{ tháng tiền lương} \\ \text{cơ sở tại thời điểm} \\ \text{xuất ngũ} \end{matrix}$$

Trường hợp thời gian phục vụ có tháng lẻ được tính như sau:

- a) Dưới 01 tháng không được hưởng trợ cấp xuất ngũ;
- b) Từ đủ 01 tháng đến đủ 06 tháng được hưởng trợ cấp bằng 01 tháng tiền lương cơ sở;
- c) Từ trên 06 tháng đến 12 tháng được hưởng trợ cấp bằng 02 tháng tiền lương cơ sở.

2. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ khi xuất ngũ được trợ cấp thêm như sau:

- a) Thời gian phục vụ tại ngũ từ tháng thứ 25 đến dưới 30 tháng được trợ cấp thêm 01 tháng phụ cấp cấp bậc hàm hiện hưởng;
- b) Thời gian phục vụ tại ngũ từ đủ 30 tháng, được trợ cấp thêm 02 tháng phụ cấp cấp bậc hàm hiện hưởng.

3. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định khi xuất ngũ được trợ cấp tạo việc làm bằng 06 tháng tiền lương cơ sở theo quy định của Chính phủ tại thời điểm xuất ngũ.

4. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ khi xuất ngũ được đơn vị trực tiếp quản lý tổ chức buổi gặp mặt chia tay trước khi xuất ngũ, mức chi 50.000 đồng/người; được đơn vị tiễn và đưa về địa phương nơi cư trú theo quy định hoặc được cấp tiền tàu, xe (loại phổ thông) và phụ cấp đi đường từ đơn vị về nơi cư trú.

5. Hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ được giải quyết xuất ngũ trước thời hạn cũng được thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại điều này.

Điều 19. Nguồn ngân sách đảm bảo cho chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong thời hạn phục vụ tại ngũ, xuất ngũ

1. Kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ quy định tại Thông tư này do ngân sách Nhà nước đảm bảo và được bố trí trong dự toán thường xuyên hàng năm của Bộ Công an giao cho Công an đơn vị, địa phương.

2. Hàng năm, Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập dự toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ và tập hợp chung vào dự toán ngân sách của đơn vị, địa phương mình báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Kế hoạch và tài chính) để tổng hợp dự toán chi ngân sách của Bộ Công an gửi Bộ Tài chính theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật trong lĩnh vực an ninh, trật tự.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 12 năm 2023 và thay thế Thông tư số 94/2020/TT-BCA ngày 01 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn để áp dụng trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Ban hành kèm theo Thông tư này phụ lục các biểu mẫu về công tác tuyển chọn, thực hiện chế độ, chính sách đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

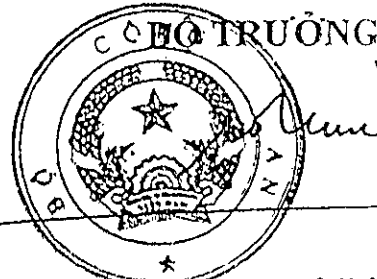
1. Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương có trách nhiệm phổ biến đến cán bộ, chiến sĩ và tổ chức thực hiện Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Tổ chức cán bộ có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

Quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, Công an đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ (qua Cục Tổ chức cán bộ) để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng xem xét, quyết định. /*HL*

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lưu: VT, X01(P2), Tg(160).



Đại tướng Tô Lâm

Phụ lục

CÁC MẪU TUYỂN CHỌN, CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH, BÁO CÁO

Ban hành kèm theo Thông tư số 63/2023/TT-BCA ngày 15 tháng 11 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

Mẫu 1. Lệnh gọi công dân khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Mẫu 2. Lệnh gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Mẫu 3. Quyết định tiếp nhận, phong cấp bậc hàm và cử đi huấn luyện đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Mẫu 4. Quyết định thăng cấp bậc hàm hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

Mẫu 5. Quyết định hưởng phụ cấp thêm đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

Mẫu 6. Quyết định xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

Mẫu 7. Quyết định xuất ngũ trước thời hạn đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ.

Mẫu 8. Báo cáo Kết quả tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Mẫu 9. Thống kê Kết quả tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (áp dụng cho Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).

Mẫu 10. Thống kê Kết quả tuyển, giao, nhận công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (áp dụng cho các đơn vị nhận quân ở Bộ).

Công an nhân dân

CÔNG AN TỈNH, TP.....
CÔNG AN (quận, huyện.....)

Số: /CA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

LỆNH

**Gọi công dân khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ
tham gia Công an nhân dân**

TRƯỞNG CÔNG AN.....

Căn cứ Luật Công an nhân dân năm 2018 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số .../2023/TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân,

LỆNH:

Điều 1. Gọi công dân Nguyễn Văn A Sinh ngày

Đang làm việc (học tập) tại:

Con ông:

Con bà:

Đúng giờ..... phút ngày..... tháng năm.....,

Có mặt tại để khám sức khỏe thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm.....

Điều 2. Chủ tịch UBND xã (phường, thị trấn)..... và công dân Nguyễn Văn A chịu trách nhiệm thi hành Lệnh này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2

- Lưu: VT,.....

* Khi đi mang theo Lệnh này, CMND hoặc Căn cước công dân, Giấy khai sinh để đối chiếu.

TRƯỞNG CÔNG AN.....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG AN TỈNH, TP.....
CÔNG AN (quận, huyện,.....)

Số: /CA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng..... năm.....

LỆNH

Gọi công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

TRƯỞNG CÔNG AN.....

Căn cứ Luật Công an nhân dân năm 2018 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Công an nhân dân năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân,

LỆNH:

Điều 1. Gọi công dân Nguyễn Văn A Sinh ngày:

Đăng ký hộ khẩu thường trú tại:

Đang làm việc (học tập) tại:

Con ông:

Con bà:

Đúnggiờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

Có mặt tại..... để thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm.....

Điều 2. Chủ tịch UBND xã (phường, thị trấn)..... và công dân Nguyễn Văn A chịu trách nhiệm thi hành Lệnh này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2

- Lưu: VT,...

* Khi đi mang theo Lệnh này;
CMND hoặc Căn cước công dân.

TRƯỞNG CÔNG AN.....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

BỘ CÔNG AN
.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

....., ngày tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

**V/v tiếp nhận, phong cấp bậc hàm và cử đi huấn luyện đối với
công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân**

.....(2).....

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của(1);

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định phân công trách nhiệm giữa Công an các cấp về một số vấn đề trong công tác tổ chức, cán bộ của lực lượng Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

Theo đề nghị của đồng chí(3)..... tại Tờ trình số ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiếp nhận, phong cấp bậc hàm Binh nhì và cử đi huấn luyện chiến sĩ mới tại, kể từ ngày tháng năm đối với công dân Nguyễn Văn A, sinh ngày:; quê quán: (huyện)....., (tỉnh, thành phố).....; thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân năm, tại(1).....

Điều 2. Các đồng chí:(3).....,(4).....,(5)..... và đồng chí Nguyễn Văn A chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2

- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG.....(1).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Công an đơn vị, địa phương;

(2) Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương;

(3) Thủ trưởng cơ quan Tổ chức cán bộ Công an đơn vị, địa phương;

(4) Thủ trưởng cơ quan Hậu cần, Tài chính;

(5) Giám đốc Trung tâm Huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ.

BỘ CÔNG AN
.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

V/v thăng cấp bậc hàm hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ

.....(2).....

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của(1);

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định phân công trách nhiệm giữa Công an các cấp về một số vấn đề trong công tác tổ chức, cán bộ của lực lượng Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

Theo đề nghị của đồng chí(3)..... và đồng chí(4)..... tại Tờ trình số ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thăng cấp bậc hàm từ (hệ số.....) lên (hệ số.....), kể từ ngày....tháng....năm.... đối với đồng chí Nguyễn Văn A, sinh ngày:; quê quán: (huyện)....., (tỉnh, thành phố).....; chiến sĩ (hạ sĩ quan) nghĩa vụ, đơn vị:

Điều 2. Các đồng chí:(4).....,(5).....,(3)..... và đồng chí Nguyễn Văn A chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG.....(1).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Công an đơn vị, địa phương;

(2) Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương;

(3) Thủ trưởng đơn vị cấp phòng, cấp huyện, trung đoàn;

(4) Thủ trưởng cơ quan Tổ chức cán bộ Công an đơn vị, địa phương;

(5) Thủ trưởng cơ quan Hậu cần, Tài chính.

BỘ CÔNG AN
.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-....

....., ngày tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

V/v hưởng phụ cấp thêm đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ

.....(2).....

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của(1);

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định phân công trách nhiệm giữa Công an các cấp về một số vấn đề trong công tác tổ chức, cán bộ của lực lượng Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

Theo đề nghị của đồng chí(3)..... và đồng chí(4)..... tại Tờ trình số ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thực hiện chế độ phụ cấp thêm mức 250% phụ cấp cấp bậc hàm hiện hưởng, kể từ ngày..... tháng...năm..... đối với đồng chí Trung sĩ Nguyễn Văn A, sinh ngày:; quê quán: (huyện)....., (tỉnh, thành phố).....; hạ sĩ quan nghĩa vụ, đơn vị:

Điều 2. Các đồng chí:(4).....,(5).....,(3)..... và đồng chí Nguyễn Văn A chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG.....(1).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Công an đơn vị, địa phương;

(2) Thủ trưởng Công an đơn vị, địa phương;

(3) Thủ trưởng đơn vị cấp phòng, cấp huyện, trung đoàn;

(4) Thủ trưởng cơ quan Tổ chức cán bộ Công an đơn vị, địa phương;

(5) Thủ trưởng cơ quan Hậu cần, Tài chính.

BỘ CÔNG AN
.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...

....., ngày tháng..... năm

QUYẾT ĐỊNH

V/v xuất ngũ đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ

.....(2).....

Căn cứ Nghị định số 70/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2019 của Chính phủ quy định về thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của(1);

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định phân công trách nhiệm giữa Công an các cấp về một số vấn đề trong công tác tổ chức, cán bộ của lực lượng Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

Theo đề nghị của đồng chí(3)..... và đồng chí(4)..... tại Tờ trình số ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng chí Nguyễn Văn A

Sinh ngày:.....

Quê quán:.....

Nơi đăng ký HKTT trước khi nhập ngũ:.....

Cấp bậc:..... Hệ số phụ cấp:

Đơn vị:

Ngày nhập ngũ:.....

Được xuất ngũ về:.....(6)....., kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Lý do xuất ngũ: Hoàn thành nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân.

Tổng thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia CAND: năm ... tháng.

Điều 2. Đồng chí Nguyễn Văn A được hưởng các chế độ sau:

1. Trợ cấp xuất ngũ một lần:

2. Trợ cấp tạo việc làm:

3. Trợ cấp thêm (nếu có):

4. Tiền tàu, xe và phụ cấp đi đường về nơi cư trú (nếu có):

Điều 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xuất ngũ, đồng chí Nguyễn Văn A phải nộp hồ sơ, quyết định xuất ngũ tại Ban chỉ huy quân sự nơi cư trú để đăng ký vào ngạch dự bị theo quy định.

Điều 4. Các đồng chí:(4).....,(5).....,(3)..... và đồng chí Nguyễn Văn A chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Công an quận (huyện)...(6);
- Ban chỉ huy quân sự quận (huyện)...(6);
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG.....(1).....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Công an đơn vị, địa phương.
- (2) Thủ trưởng đơn vị, địa phương.
- (3) Thủ trưởng đơn vị cấp phòng, cấp huyện, trung đoàn;
- (4) Thủ trưởng cơ quan Tổ chức cán bộ Công an đơn vị, địa phương.
- (5) Thủ trưởng cơ quan hậu cần, Tài chính Công an đơn vị, địa phương.
- (6) Thủ trưởng nơi công dân đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ

BỘ CÔNG AN

.....(1).....

Số: /QĐ-...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm.....

QUYẾT ĐỊNH

V/v xuất ngũ trước thời hạn đối với hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ

.....(2).....

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của(1);

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định phân công trách nhiệm giữa Công an các cấp về một số vấn đề trong công tác tổ chức, cán bộ của lực lượng Công an nhân dân;

Căn cứ Thông tư số .../20.../TT-BCA ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về tuyển chọn và thực hiện chế độ, chính sách đối với công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân;

Theo đề nghị của đồng chí(3)..... và đồng chí(4)..... tại Tờ trình số ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đồng chí Nguyễn Văn A

Sinh ngày:.....

Quê quán:.....

Nơi đăng ký HKTT trước khi nhập ngũ:.....

Cấp bậc:..... Hệ số phụ cấp:

Đơn vị:

Ngày nhập ngũ:.....

Được xuất ngũ trước thời hạn về:.....(6)....., kể từ ngày..... tháng..... năm....

Lý do xuất ngũ:..... (ghi khái quát lý do xuất ngũ trước thời hạn).

Tổng thời gian thực hiện nghĩa vụ tham gia CAND: năm ... tháng.

Điều 2. Đồng chí Nguyễn Văn A được hưởng các chế độ sau:

- 1. Trợ cấp xuất ngũ một lần:
- 2. Trợ cấp tạo việc làm:
- 3. Trợ cấp thêm (nếu có):
- 4. Tiền tàu, xe và phụ cấp đi đường về nơi cư trú (nếu có):

Điều 3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày xuất ngũ, đồng chí Nguyễn Văn A phải nộp hồ sơ, quyết định xuất ngũ tại Ban chỉ huy quân sự nơi cư trú để đăng ký vào ngạch dự bị theo quy định.

Điều 4. Các đồng chí:(4).....,(5).....,(3).....
và đồng chí Nguyễn Văn A chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Công an quận (huyện...)...(6);
- Ban chỉ huy quân sự quận (huyện...)...(6);
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG.....(1).....
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Chú thích:

- (1) Công an đơn vị, địa phương.
- (2) Thủ trưởng đơn vị, địa phương.
- (3) Thủ trưởng đơn vị cấp phòng, cấp huyện, trung đoàn;
- (4) Thủ trưởng cơ quan Tổ chức cán bộ Công an đơn vị, địa phương.
- (5) Thủ trưởng cơ quan Hậu cần, Tài chính Công an đơn vị, địa phương.
- (6) Thủ trưởng non công dân đăng ký hộ khẩu thường trú trước khi nhập ngũ

Mẫu 8. Báo cáo Kết quả tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-KQTQ

....., ngày.....tháng.....năm....

BÁO CÁO

Kết quả tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân (gọi tắt là tuyển quân) năm

I. Tình hình tuyển quân (tập trung vào các nội dung):

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện quy định về nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân trong nhân dân, nhất là công dân trong độ tuổi tuyển chọn thực hiện nghĩa vụ;

2. Việc phối hợp với cơ quan quân sự, chính quyền địa phương cùng cấp trong công tác tạo nguồn tuyển chọn và trong tiến hành các thủ tục tuyển chọn, giao, nhận quân;

3. Công tác tham mưu, đề xuất với Ủy ban nhân dân cùng cấp trong phân bổ địa bàn tuyển quân và trong chỉ đạo thực hiện tuyển quân;

4. Phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc Bộ (đơn vị nhận quân) với Công an cấp tỉnh.

II. Kết quả tuyển quân

1. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thống kê kết quả tuyển quân theo Mẫu 9.

2. Các đơn vị nhận quân thống kê kết quả nhận quân theo Mẫu 10.

III. Khó khăn, vướng mắc trong tuyển quân

1. Tập trung vào những khó khăn, vướng mắc trong công tác hiệp đồng tuyển quân; công tác hướng dẫn chỉ đạo của cơ quan chức năng; vướng mắc trong thực hiện các quy định có liên quan. Trong từng khó khăn, vướng mắc cần chỉ rõ nguyên nhân và biện pháp khắc phục

2. Nêu cụ thể lý do không tuyển đủ quân, trách nhiệm của đơn vị, địa phương hoặc kinh nghiệm trong công tác tuyển quân (nếu tuyển đủ chỉ tiêu được giao), các quận, huyện... điển hình làm tốt công tác tuyển quân./.

Nơi nhận:

- X01 (để báo cáo);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Mẫu 9. Thống kê Kết quả tuyển chọn công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

BỘ CÔNG AN

.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TK-KQTQ

....., ngày.....tháng.....năm.....

THỐNG KÊ KẾT QUẢ TUYỂN CHỌN CÔNG DÂN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CAND

Năm 20...

Số TT	CÔNG AN ĐƠN VỊ ĐỊA PHƯƠNG	Chỉ tiêu được giao	Tổng số tuyển	Tỷ lệ tuyển	Số với chỉ tiêu được giao		Trình độ giáo dục phổ thông					Trình độ chuyên môn					Đảng viên	Đoàn viên	Dân tộc thiểu số	Số bù đối
					Thiếu	Tỷ lệ	THPT	THCS	Sau DH	DH	CD	Trung cấp	Sơ cấp							
I Kết quả tuyển trên địa bàn... (1)																				
Tổng số																				
1	Thị xã....																			
2	Huyện...																			
3																			
II Kết quả tuyển, bàn giao quân cho đơn vị trực thuộc Bộ (2)																				
Tổng số																				
1	K01																			
2	K02																			
3																			

Nơi nhận:

- X01 (để báo cáo);

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CÔNG AN ĐỊA PHƯƠNG

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Ghi chú: (1) Thống kê kết quả tuyển quân chung (cả tuyển cho Công an tỉnh và tuyển cho các đơn vị nhận quân thuộc Bộ), trên cơ sở tổng chỉ tiêu được giao tuyển trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc TW. (2) Thống kê riêng số công dân tuyển và bàn giao cho các đơn vị nhận quân ở Bộ.

Mẫu 10. Thông kê Kết quả tuyển, giao, nhận công dân thực hiện nghĩa vụ tham gia Công an nhân dân

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TK-KQND

....., ngày.....tháng.....năm.....

THÔNG KÊ KẾT QUẢ TUYỂN, GIAO, NHẬN CÔNG DÂN THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THAM GIA CAND

Năm 20...

Số TT	CÔNG AN ĐỊA PHƯƠNG	Chỉ tiêu được giao	Tổng số tuyển, nhận	Tỷ lệ tuyển, nhận	Số với chỉ tiêu được giao		Trình độ giáo dục phổ thông			Trình độ chuyên môn					Đảng viên	Đoàn viên	Dân tộc thiểu số	Số bù đối
					Thiếu	Tỷ lệ	THPT	THCS	Sau DH	DH	CD	Trung cấp	Sư cấp					
Tổng số																		
1	Công an thành phố A																	
2	Công an tỉnh B																	
3																	
4																	

Nơi nhận:

- X01 (để báo cáo);
- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)